

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 605/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Võ Văn T, sinh năm 1976; ĐKTT: 185 đường số 3, cư xá Lữ Gia, phường 15, quận 11, Thành phố H; ; Chỗ ở hiện nay: 17/14/14 Trần Văn Ôn, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1985; ĐKTT: 18A1/41 Tân Kỳ Tân Quý, phường T, quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: 17/14/14 Trần Văn Ôn, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 15, quận 11, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01 ngày 17/4/2007.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận nhưng sau đó giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng lối sống, giữa hai vợ chồng thường xuyên cãi vã về cách chăm sóc con và chi tiêu tiền bạc trong gia đình. Nay hai bên nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông T, bà T xác nhận có 02 con chung tên Võ Trần Phước Th, sinh ngày 28/5/2007 và Võ Trần Phước Th, sinh ngày 06/01/2014. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận bà T là người trực tiếp nuôi hai con chung, ông T cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng/trẻ, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2022 cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà T xác nhận không có.

[4] Về các vấn đề khác: Ông T và bà T xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Trần Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Võ Văn T và bà Trần Thị Ngọc T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận 11, Thành phố H cấp ngày 17/4/2007) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà T trực tiếp nuôi 02 con chung tên Võ Trần Phước Th, sinh ngày 28/5/2007 và Võ Trần Phước Th, sinh ngày 06/01/2014. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng/trẻ, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2022 cho đến khi con chung lần lượt trưởng thành.

+ Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nuôi con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông T và bà T xác nhận không có.

- Về các vấn đề khác: Ông T và bà T xác nhận không có nợ chung.

**2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm:** Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông T và bà T chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng do ông T và bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0035651 ngày 30/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Tuyết Nhung**